

# KHÓ KHĂN CỦA HỌC SINH NGƯỜI KHMER KHI HỌC TIẾNG ANH VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC

○ ThS. VÕ VĂN TÀI\*

## 1. Những khó khăn đặc trưng của HS dân tộc Khmer ở tỉnh Sóc Trăng khi học tiếng Anh

Một nghiên cứu thực hiện vào tháng 2/2010, có sự tham gia của 23 GV tiếng Anh người Việt, 7 GV tiếng Anh người Khmer và 144 HS (88 HS người Kinh và 56 HS người Khmer) ở 2 trường: Trường Dân tộc nội trú tỉnh Sóc Trăng và Trường THPT Nguyễn Khuyến, Vĩnh Châu, Sóc Trăng cho thấy: - Hầu hết các GV khẳng định, HS người Khmer có kết quả học tập thấp hơn so với bạn cùng lứa người Kinh. Kết quả của bài kiểm tra cũng góp phần chứng minh điều này, trong số 88 HS người Kinh thì có 40 HS (46%) đạt điểm từ 5 trở lên, tỉ lệ này ở HS người Khmer là 28% (16 em); - Trong số 37 HS Khmer được phỏng vấn, 31 em (83,7%) cho biết: chỉ nói tiếng Khmer ở nhà và gặp khó khăn trong việc hiểu tiếng Việt. Điều này dẫn đến các em gặp nhiều vấn đề trong việc học tiếng Anh khi GV sử dụng tiếng Việt để giảng bài tiếng Anh. Chỉ có 6 HS (16,3%) cho biết, các em ít khi gặp khó khăn khi thầy, cô giảng bài bằng tiếng Việt do nói tiếng Việt thường xuyên ở nhà; - SGK và các tài liệu khác thường viết bằng tiếng Việt và tập trung vào văn hóa, giáo dục, lối sống... của người Kinh. Người Khmer thường là nông dân sống ở những thôn xóm xa xôi, ít có điều kiện cho con cái học hành. Ngay cả học chữ viết tiếng Khmer, hầu hết người Khmer đều gặp khó khăn; - Về khía cạnh giao tiếp, người Khmer thường ít nói, ít đặt câu hỏi và trầm lặng trước đám đông, mặc dù họ nắm được vấn đề. Tâm lí này gây ra nhiều khó khăn, cản trở đối với HS Khmer, đặc biệt là HS vùng sâu, vùng xa trong quá trình học tập cả tiếng Việt và tiếng Anh nếu không có sự quan tâm, giúp đỡ tích cực của thầy cô giáo.

### 1.1. Nguyên nhân ngôn ngữ

Lightbown and Spada (2006) cho rằng, trẻ con khi bắt đầu đi học ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ sẽ học tập hiệu quả và tự tin vì trước đó chúng đã có khả năng hiểu và nói tốt. Trường hợp HS người Khmer, ở nhà các em sử dụng tiếng Khmer để

giao tiếp hằng ngày, nhưng khi đến trường các em không được tiếp tục dạy chữ viết Khmer mà phải học ngôn ngữ phổ thông là tiếng Việt, bằng tiếng Việt. Do nghe - hiểu không tốt, các em gặp khó khăn trong việc hiểu yêu cầu đề bài hoặc lời giải thích của thầy, cô.

Cenoz (2000) cho rằng, mức độ lưu loát của ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai có ảnh hưởng đến việc học ngôn ngữ thứ ba. HS Khmer nói tiếng Khmer ở nhà cho đến khi 7 tuổi thì đến trường và được học tiếng Việt. Thường thì các em không biết viết chữ Khmer, lại thêm hạn chế trong việc hiểu từ vựng của tiếng Việt dẫn đến kết quả học tiếng Anh thường thấp hơn bạn cùng lứa người Kinh, khả năng thực hành các kĩ năng cũng hạn chế hơn.

### 1.2. Nguyên nhân phi ngôn ngữ

Cortazzi and Jin (1999) phân biệt 3 loại thông tin văn hóa sử dụng trong SGK và các tài liệu: tài liệu văn hóa nguồn («source culture materials»), tài liệu văn hóa mục tiêu («target culture materials») và tài liệu văn hóa quốc tế («international culture materials») (trích trong McKay, 2002, tr. 88). Căn cứ vào đó có thể thấy, không có mối liên hệ nào giữa SGK tiếng Anh phổ thông với văn hóa Khmer. HS Khmer phải học tài liệu văn hóa sử dụng cho HS người Kinh, không phải là tài liệu văn hóa nguồn cho HS Khmer. Nên chăng, SGK lồng ghép các yếu tố văn hóa của người Khmer hoặc các dân tộc khác để HS Khmer dễ dàng liên tưởng đến nền văn hóa của họ khi học tiếng Anh. Không có yếu tố văn hóa địa phương, lại phải học một ngôn ngữ thứ ba (tiếng Anh) thông qua ngôn ngữ thứ hai (tiếng Việt), HS Khmer gặp không ít khó khăn.

Điều kiện sống và môi trường ngôn ngữ cũng ảnh hưởng rất lớn đến người học, những yếu tố về môi trường và điều kiện sống ảnh hưởng không ít đến việc học tiếng Anh của HS Khmer. HS Khmer chỉ nói tiếng Việt khi đi học ở trường, về nhà lại nói tiếng Khmer vì cha, mẹ, láng giềng đều là

\* Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai, tỉnh Sóc Trăng

người Khmer và họ sống cùng nhau trong thôn, sóc, ít có điều kiện nói tiếng Việt với người Kinh. Các em cũng ít có điều kiện mua tài liệu học tiếng Anh (ngôn ngữ thứ ba).

Từ việc nhận thức những khó khăn trên, cần có những biện pháp hữu hiệu nhằm giúp GV và HS người Khmer cải thiện chất lượng dạy và học tiếng Anh

## 2. Biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh cho HS Khmer

### 2.1. Đối với GV người Việt

*Biện pháp chung:* 1) Tự làm quen với tiếng và văn hóa Khmer để có thể hiểu được giá trị, thái độ và hành vi của người Khmer rõ ràng hơn; 2) Yêu cầu HS đọc tài liệu thêm dành cho HS Khmer cũng như các tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt trước khi có giờ tiếng Anh; 3) Nhẹ nhàng và thân thiện với HS người Khmer vì họ thường nhút nhát và sợ thầy, cô giáo; 4) Sau khi cho bài tập mẫu, nên kiểm tra lại một lần nữa xem HS người Khmer có hiểu đề bài không?; 5. Kiểm tra thường xuyên để biết được mức độ tiến bộ và có biện pháp giúp đỡ HS Khmer yếu.

#### *Biện pháp cụ thể*

*Nghe hiểu/Đọc hiểu:* 1. Giải thích rõ yêu cầu đề bài về dạng bài đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh. Khuyến khích HS đoán từ qua ngữ cảnh; 2. Cho HS thực tập những bài tập ngắn về đoán nghĩa của từ qua ngữ cảnh; 3. Cung cấp cho HS Khmer thành ngữ, từ vựng, và kiến thức nền liên quan đến yếu tố văn hóa; 4. Yêu cầu HS giải thích rõ hiểu biết của họ về thành ngữ có liên quan đến yếu tố văn hóa; 5. Cho HS bài kiểm tra mẫu và chỉ cho họ cách làm các loại bài tập khác nhau; 6. Cho HS đọc và làm các bài tập đọc hiểu khác nhau có trong SGK; 7. Khuyến khích HS đọc và viết những chủ đề có liên quan đến văn hóa mà họ thích.

*Nói:* 8. Cung cấp cho HS Khmer bài mẫu hơn là yêu cầu họ tư duy, suy nghĩ ý tưởng để nói; 9. Cung cấp cho HS Khmer kiến thức nền về những chủ đề mới; 10. Khuyến khích họ nói theo cặp, nhóm trước khi yêu cầu họ trình bày cá nhân; 11. Thỉnh thoảng gọi HS người Khmer để tạo điều kiện cho họ nói; 12. Khuyến khích thái độ tích cực trong lớp.

*Viết:* 12. Tổ chức cho HS Khmer làm việc theo cặp, nhóm để họ suy nghĩ và tìm ý trước khi viết; 13. Yêu cầu HS giỏi hơn kèm HS yếu hơn; 14 Thỉnh thoảng cho HS yếu hơn làm trưởng nhóm; 15. Tổ chức hoạt động để giúp HS Khmer nhận biết lỗi khi viết, để họ học từ chính lỗi sai

của mình; 16. Tổ chức hoạt động giúp HS Khmer viết từ và cụm từ cho sẵn thành câu

*Ngữ pháp:* 17. Tiếng Anh, Việt, Khmer có chung trật tự cấu thành câu: Chủ + động + vị. Tuy nhiên, tiếng Việt đôi khi lại có cấu trúc: Vị + Chủ + Động; 18. Tiếng Anh, Việt, Khmer có cùng cấu trúc câu: Chủ + động + vị + trạng + very much. Tuy nhiên, tiếng Việt cũng có cấu trúc: Chủ + very like + động, và HS thường mắc lỗi là sử dụng cấu trúc này trong tiếng Anh; 19. Không có cấu trúc: Chủ + be + động ở tiếng Anh và tiếng Khmer, nhưng lại có ở tiếng Việt; 20. Dạy cho HS Khmer ngữ, câu, không nên dạy những từ riêng lẻ.

*Từ vựng:* 21. Diễn tả bằng ngữ giải thích và cung cấp từ trong ngữ cảnh; 22. Giải thích cho HS Khmer rõ ràng về từ loại và cách sử dụng chúng trong ngữ cảnh, thông qua ví dụ cụ thể; 23. Chỉ cho HS Khmer sự khác nhau về 2 hoặc 3 giới từ theo sau động từ với ý nghĩa khác nhau.

### 2.2. HS Khmer

HS Khmer phải luôn suy nghĩ rằng, các em chính là những người học ngôn ngữ thành công vì có thể sử dụng được cả 2 ngôn ngữ, tiếng Khmer và tiếng Việt. Các em hiểu được ý nghĩa của việc sử dụng đa ngôn ngữ trong cuộc sống. Kỹ năng của 2 ngôn ngữ này sẽ giúp học tốt tiếng Anh.

1. Hãy nghĩ đến tầm quan trọng của tiếng Anh là một ngôn ngữ quốc tế, giúp tiếp cận và học hỏi kiến thức của thế giới (ví dụ, có thể học qua mạng Internet, sách, tạp chí, báo, phim ảnh, truyền thanh và truyền hình).

2. Trước khi học một bài tiếng Anh ở lớp, nên dành một chút thời gian để học Tài liệu bổ sung dành cho HS Khmer và bài học trong sách giáo khoa.

3. Trước khi học về một chủ đề mới, ngoài những tài liệu bổ sung, nên tìm đọc thông tin bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh có liên quan đến chủ đề đó. Có thể tìm đến thư viện của trường hoặc hỏi bạn bè, gia đình, thầy cô.

4. Cố gắng hiểu và làm tất cả các bài tập ở nhà trước khi vào lớp. Nếu không biết cách làm thì hỏi bạn thân, bạn học hoặc GV.

5. Trong lớp, phải luyện cách ghi chú thật nhanh gọn và dành nhiều thời gian lắng nghe thầy cô giảng bài. Như thế sẽ giúp phân biệt câu đúng, câu sai và học cách sử dụng ngôn ngữ dễ dàng hơn.

6. Ghi chép lại những từ, cụm từ, thành ngữ hay ý tưởng mà mình không hiểu vào một cuốn vở hay tờ giấy nào đó rồi đem hỏi bạn bè, gia đình hoặc thầy cô.

(Xem tiếp trang 64)

8) **Đệm ca khúc trên cơ sở đã được chuẩn bị** theo các bước: 1) Chọn điệu Valse với tempo khoảng 90; 2) Lưu tiếng Accordion, Grand Piano và Vibraphone vào bộ nhớ của đàn; 3) Đàn Intro, và bấm hợp âm tay trái thật chính xác; 4) Ghép âm hình đệm với giai điệu của ca khúc, phần này sẽ tốn nhiều thời gian.

Đoạn 1, đệm theo âm hình đệm 1:

Đoạn 2, đệm theo âm hình 2:

Cuối cùng, đàn đoạn kết để kết thúc bài.

Như vậy, chúng ta đã hoàn thành chi tiết một bài đệm hát với cấu tạo như sau:

Chúng ta biết rằng, khả năng thị phạm của người thầy trước HS là rất quan trọng, đặc biệt trong âm nhạc. GV đệm đàn để HS hát chắc chắn sẽ kích thích được sự hưng phấn cho các em và

tiết học sẽ sôi nổi hơn nhiều; phát huy tối đa khả năng của HS, thu hút các em tham gia vào hoạt động học một cách tích cực hơn, dần hình thành tư duy độc lập, tự chủ động trong học tập.

Nhằm góp phần khắc phục việc đệm hát cho GV phổ thông, trước hết các cơ sở đào tạo cần yêu cầu cao hơn trong phân môn đệm hát, trang bị kỹ năng đệm hát thật vững vàng cho thầy cô giáo tương lai; mặt khác, các trường phổ thông cần xây dựng những phòng chức năng chuyên biệt, đầy đủ phương tiện phục vụ giảng dạy âm nhạc và yêu cầu GV phải phát huy khả năng đệm hát của mình trong từng tiết dạy. Có như vậy, việc đệm hát trong tiết dạy âm nhạc mới được thực hiện nghiêm túc, đem lại hiệu quả cao trong giảng dạy ở bậc học phổ thông. □

#### Tài liệu tham khảo:

1. Lam Duy. **Bước đầu sáng tác ca khúc**. NXB Trẻ, 2004.
2. V.A. Vakhrameev. **Lý thuyết âm nhạc cơ bản**. NXB Âm nhạc, H. 1993
3. Phạm Tú Hương - Vũ Nhật Thăng. **Sách giáo khoa hòa thanh**. NXB Âm nhạc, H. 1993.
4. Đào Ngọc Dung. **Phân tích tác phẩm âm nhạc**. NXB Giáo dục, H. 2001
5. Đào Ngọc Dung. **Phân tích ca khúc**. NXB Âm nhạc, H. 2006

## Khó khăn của học sinh...

(Tiếp theo trang 61)

7. Đừng ngại hỏi bất kì điều gì mình không hiểu. Hãy nhớ, GV luôn muốn HS hiểu và biết sử dụng những kiến thức mà họ đã dạy.

8. Đừng bao giờ ngại ngừng hay mắc cỡ khi trả lời sai hay phạm lỗi. Vì chính những lỗi lầm ấy là dấu hiệu của sự học tập và tiến bộ. Để ý những lỗi sai của chính mình, kể cả của các bạn trong lớp. Luôn cố gắng thử hay thực hành những gì mới mẻ.

9. Sau khi làm xong một câu trong bài tập nào đó thì phải hỏi GV, kiểm tra xem mình có làm đúng theo yêu cầu không.

10. Khi đọc bất kì một bài đọc nào, nên tập đoán nghĩa của từ hay cụm từ mới theo ngữ cảnh. Đừng vội tra từ điển cho đến khi không thể đoán được.

11. Để ý cách học ngôn ngữ và cố gắng học từ xuất hiện trong các cụm từ hoặc trong câu, thay vì chỉ học những từ rời rạc.

12. Để ý cách sử dụng từ ngữ tiếng Việt trong các môn học khác. Ví dụ như ngữ nghĩa và cách sử dụng của các từ khó như lạm phát, cơ sở hạ tầng, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên,...

13. Nên có một cuốn vở riêng dành để ghi chép từ vựng. Ghi chép lại từ vựng hay thành ngữ, ngữ nghĩa và các ví dụ về cách sử dụng của chúng bằng cả tiếng Anh, tiếng Việt hoặc tiếng Khmer.

14. Ở nhà, đặc biệt là sau khi vừa đi học về, cố gắng ôn lại hay làm lại những gì đã học trong lớp.

15. Trong một vài trường hợp đặc biệt, khi học tiếng Anh, nên suy nghĩ theo nghĩa tiếng Khmer thay vì tiếng Việt vì trật từ từ của một số câu trong tiếng Anh giống như trong tiếng Khmer. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Cenoz, J. – Jessner, U. (2000). *English in Europe: The acquisition of a third language*. Frankfurt Lodge: UK. Multilingual Matter Ltd.
2. Cao Xuân Hạo. **Tiếng Việt - Máy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa**. NXB Giáo dục, H. 1998.
3. Lightbown, P. M. - Spada, N. (2006). **How languages are learned**. Oxford University Press.
4. McKay, S. L. (2002). **Teaching English as an international language: Rethinking goals and approaches**. New York: Oxford University Press.
5. Nguyen, D. H. (1997). **Vietnamese**. In B. Comrie, *The world's major language*. Oxford, NY: Oxford University Press.